TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T D** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2022
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Cường

Ông Nguyễn Minh Quang

- ***Thư ký phiên tòa***: Vy Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà***: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 76/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đ Th O, sinh năm 1995 (Có đơn xét xử vắng mặt)

HKTT: Bản A, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T T, xã Đ C, huyện L Ng, tỉnh B Gi.

2. Bị đơn: Anh Q V Tr. Sinh năm 1993 (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

Địa chỉ: Bản A, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ Th O trình bày:

Tình cảm: Chị O và anh Q V Tr tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2015. Chị O và anh Tr đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 13 tháng 3 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng tại bản A, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2017, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do, chị O phát hiện anh Tr sử dụng ma túy, nhiều lần xin tiền chị O không được anh Tr còn

đánh đập chị O, nên vợ chồng xảy ra quá nhiều mâu thuẫn, sức chịu đựng của chị O cũng có giới hạn nên vào tháng 02/2017 chị O quyết định sống ly thân với anh Tr. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị O có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Con chung: Chị O và anh Tr có 01 con chung tên cháu là Q T A, sinh ngày 02/6/2015, hiện nay cháu sống với ông bà nội và anh Tr tại bản bản A, xã X L huyện T D, tỉnh Nghệ An, nếu vợ chồng ly hôn thì chị O có nguyện vọng con do anh Tr và ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành vì từ nhỏ cháu một tay anh Tr chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Q V Tr nhưng anh Tr vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại các biên bản lấy lời khai thì ông Q Nh Th bố đẻ của anh Q V Tr trình bày: Chị O và anh Tr kết hôn vào năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn chị O và anh Tr chung sống với gia đình ông Th tại bản A, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Chị O và anh Tr hiện nay đã sống ly thân nhau. Về con chung thì chị O và anh Tr có 01 con chung tên cháu là Q T A, sinh ngày 02/6/2015 hiện nay đang sống với anh Tr và vợ chồng ông Th tại bản A, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Khi cháu Q T A được 09 tháng tuổi thì chị O (mẹ cháu A) bỏ đi mà gia đình tôi không hề biết là chị O bỏ đi lúc nào. Cháu Q T A từ ngày chị O bỏ đi thì chỉ ở với vợ chồng ông Th và anh Tr, còn chị O thì thỉnh thoảng vẫn gửi tiền về hỗ trợ ông Th nuôi cháu A nhưng về mặt thời gian, tình cảm, nuôi dưỡng thì không bằng anh Tr. Anh Tr đưa đón cháu đi học, cho cháu ăn uống, chăm sóc cháu khi ốm đau. Từ khi chị O để cháu lại cho anh Tr thì chị O mới về thăm cháu dược 02 lần. Do cuộc sống khó khăn, ở nhà không có việc làm nên anh Tr xin phép vợ chồng ông Th gửi cháu A lại cho vợ chồng ông Th chăm sóc, còn anh Tr đi làm phụ hồ với bạn bè ở ngoài Bắc để kiếm tiền nuôi con. Anh Tr mới đi làm xa từ năm 2021, nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà thăm cháu A, còn điện thoại thì gọi thường xuyên. Ông Th cũng hỏi ý kiến của anh Tr thì anh Tr trình bày như sau: Về tình cảm: Anh Tr đồng ý ly hôn với chị O; về con chung: Có nguyện vọng nuôi cháu Q T A và không yêu cầu chị O cấp dưỡng tiền nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Văn bản của Tòa án nhân dân huyện T D tống đạt cho anh Tr thì anh Tr đã được ông Th báo lại nhưng do Anh Tr đi làm ăn xa, phương tiện đi lại khó khăn, công trình xây dựng chưa xong, không xin nghỉ lâu ngày được nên không thể về giải quyết vụ án theo giấy triệu tập của Tòa án.

Kết quả xác minh tại địa phương: Anh Q V Tr có hộ khẩu thường trú tại bản A, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An có đăng ký kết hôn với chị Đ Th O tại

UBND xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 13/3/2015 và có một con chung tên cháu là Q T A, sinh ngày 02/6/2016 hiện nay cháu sống cùng với anh Tr và ông bà nội là gia đình ông Q Nh Th tại bản A, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Anh Tr đi làm ăn xa từ năm 2021, thường xuyên liên lạc với gia đình và thỉnh thoảng về thăm nhà. Chị Đ Th O có hộ khẩu thường trú ở tại bản A, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An, tuy nhiên chị O không sinh sống tại địa phương.

Kết quả xác minh tại trường tiểu học X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An: Cháu Q T A hiện nay đang học lớp 2A1 trường tiểu học xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An và cháu là học sinh ngoan ngoãn, có học lực khá. Cháu hiện nay sống với anh Tr và ông bà nội tại bản A, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2022 cháu Q T A trình bày: Cháu Q T A có nguyện vọng ở với anh Q V Tr.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn Chị Đ Th O cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị Đ Th O được ly hôn với anh Q V Tr; Con Chung: Giao cháu Q T A cho anh Tr nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị O; tài sản chung, nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Chị O chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Q V Tr có hộ khẩu thường trú tại bản A, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Đ Th O và bị đơn anh Q V Tr thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Mặt khác trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn mặc dù bị đơn thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình, do đó có căn cứ khẳng định bị đơn cố tình dấu địa chỉ, nguyên đơn có đơn

xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị O và anh Tr kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại quyển số 01/2015, số 10 ngày 13/3/2015 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

- Tình cảm: Chị O và anh Tr có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị O và anh Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị O là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Con chung: Chị O và anh Tr có 01 con chung là cháu Q T A sinh ngày 02/6/2015, hiện cháu đang sống cùng anh Tr và ông bà nội tại bản A, xã X L, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

Qua quá trình xác minh tại địa phương, lời khai của ông Q Nh Th thì cháu Q T A từ năm 2016 do anh Tr chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Đ Th O đi làm ăn xa từ năm 2016 và về nhà thăm cháu được 02 lần. Đồng thời theo biên bản ghi lời khai ngày 07/7/2022, cháu A có nguyện vọng được sống cùng với anh Tr trong trường hợp chị O, anh Tr ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Hội đồng xét xử giao cháu cháu A cho anh Tr tiếp tục tự chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng con chung do anh Tr không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu A nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Chị Đ Th O chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ Hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đ Th O được ly hôn với anh Q V Tr.

2. Con chung:

+ Giao cháu Q T A, sinh ngày 02/6/2015 cho anh Q V Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị O;

- Chị O có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Buộc chị Đ Th O phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010664 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.T D;
- Cơ quan THADS H.T D;
- Các đương sự;
- UBND xã X L ;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Thị Ái